

Số: 04 /2018/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định một số mức chi

CÔNG VĂN ĐẾN SỐ 216
Ngày 22 tháng 2 năm 2018

sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 575/TTr-STC ngày 27/12/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài Nguyên và Môi trường hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Lắk; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23/02/2018.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT, (Ch 100b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH

Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm
2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định mức chi sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Chương 2 QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mức chi

1. Một số mức chi cụ thể:

| STT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Khung, mức chi thực hiện (1.000 đồng) | Ghi chú |
|-----|---|-------------|--|--|
| 1 | Lập nhiệm vụ, dự án: | | | |
| 1.1 | Lập nhiệm vụ | Nhiệm vụ | 800 - 1.600 | |
| 1.2 | Lập dự án | Dự án | 2.400 - 4.000 | Tùy theo mức độ phức tạp của dự án, UBND cùng cấp quyết định mức chi cụ thể. |
| 1.3 | Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư | | Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư | |

| | | | | |
|-----|---|----------------------|--|---|
| 2 | Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có): | Buổi họp | | |
| | - Chủ tịch Hội đồng | Người/buổi | | |
| | + Tỉnh | | 500 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 400 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 300 | |
| | - Thành viên, thư ký | Người/buổi | | |
| | + Tỉnh | | 300 | <i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i> |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 250 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 200 | |
| | - Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | | |
| | + Tỉnh | | 150 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 100 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 70 | |
| | - Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện | Bài viết | | |
| | + Tỉnh | | 500 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 400 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 300 | |
| | - Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng | Bài viết | | |
| | + Tỉnh | | 300 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 250 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 200 | |
| 3 | Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết): | Bài viết | | <i>Trường hợp không thành lập hội đồng</i> |
| | + Tỉnh | | 500 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 400 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 300 | |
| 4 | Điều tra, khảo sát: | | | |
| 4.1 | Lập mẫu phiếu điều tra | Phiếu mẫu được duyệt | 400 | |
| 4.2 | Chi cho đối tượng cung cấp thông tin | | | |
| | - Cá nhân | Phiếu | 40 | |
| | - Tổ chức | Phiếu | 80 | |
| 4.3 | Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài) | Người/ngày công | Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 160% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê | |

| | | | | |
|----------|---|------------|-----------------|--|
| | | | ngoài (22 ngày) | |
| 4.4 | Chi cho người dẫn đường | Người/ngày | 100 | <i>Chi áp dụng cho điều tra thuộc vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i> |
| 4.5 | Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc | Người/ngày | 200 | |
| 5 | Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ: | Báo cáo | | |
| | - Nhiệm vụ | | 4.000 | |
| | - Dự án | | 8.000 - 12.000 | <i>Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ, UBND cùng cấp quyết định mức chi cụ thể.</i> |
| 6 | Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có): | | | |
| | - Chủ tịch Hội đồng | Người/buổi | | |
| | + Tỉnh | | 700 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 600 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 400 | |
| | - Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có) | Người/buổi | | |
| | + Tỉnh | | 600 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 450 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 300 | |
| | - Ủy viên, thư ký hội đồng | Người/buổi | | |
| | + Tỉnh | | 300 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 250 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 200 | |
| | - Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | | |
| | + Tỉnh | | 150 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 100 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 70 | |
| | - Bài nhận xét của ủy viên phản biện | Bài viết | 400 | |
| | + Tỉnh | | 500 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 400 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 300 | |
| | - Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có) | Bài viết | | |



| | | | | |
|----------|---|------------|-----|--|
| | + Tỉnh | | 300 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 200 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 100 | |
| | - Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03) | Bài viết | | |
| | + Tỉnh | | 400 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 300 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 200 | |
| 7 | Hội thảo khoa học (nếu có): | | | |
| | - Người chủ trì | Người/buổi | 400 | |
| | - Thư ký hội thảo | Người/buổi | 240 | |
| | - Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | 120 | |
| | - Báo cáo tham luận | Bài viết | 280 | |
| 8 | Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ: | | | |
| 8.1 | Nghiệm thu nhiệm vụ | | | |
| | - Chủ tịch hội đồng | Người/buổi | | |
| | + Tỉnh | | 400 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 300 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 200 | |
| | - Thành viên, thư ký | Người/buổi | | |
| | + Tỉnh | | 200 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 150 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 100 | |
| 8.2 | Nghiệm thu dự án | | | |
| | - Chủ tịch Hội đồng | Người/buổi | 560 | |
| | + Tỉnh | | 700 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 600 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 400 | |
| | - Thành viên, thư ký hội đồng | Người/buổi | | |
| | + Tỉnh | | 400 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 300 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 200 | |
| | - Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện | Bài viết | | |
| | + Tỉnh | | 500 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 400 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 300 | |
| | - Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có) | Bài viết | | |
| | + Tỉnh | | 400 | |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 300 | |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 200 | |

| | | | |
|-----------|--|-------------|---|
| | - Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | |
| | + Tỉnh | | 150 |
| | + Huyện, thị xã, thành phố | | 100 |
| | + Xã, phường, thị trấn | | 70 |
| 9 | Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã: | | |
| 9.1 | Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện | Người/tháng | Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,2 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang nhân với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. |
| 9.2 | Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã | Người/tháng | Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,0 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. |
| 10 | Chi giải thưởng môi trường: | | Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ, UBND cùng cấp quyết định mức chi cụ thể. |

2. Các mức chi không quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

3. Nguồn kinh phí thực hiện:

Từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường các cấp do ngân sách cùng cấp bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Đối với những nhiệm vụ, dự án đã được phê duyệt đề cương và dự toán, đang triển khai thực hiện không phải xây dựng lại dự toán kinh phí theo mức chi tại Quy định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài Nguyên và Môi trường hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường của địa phương.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài Nguyên và Môi trường thẩm định và cân đối, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh; đồng thời, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường theo đúng quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh yêu cầu các đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo quy định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị